

Bản án số: 34/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 26/9/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Hạnh;
2/ Ông Võ Cư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Lệ Quân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2025/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 23/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Như V, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Nay cư trú tại: Tổ dân phố Đg, phường Tr, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Trần Khoa Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 527 Nguyễn Nghiêm, tổ dân phố 2, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Khoa Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2025 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Như V trình bày:

Bà và ông Trần Khoa Đ tự tìm hiểu rồi kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND thị trấn Đ (nay là phường Đ) tỉnh Quảng Ngãi. Từ khi kết hôn đến năm 2021 vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2022 phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng, do không còn hiểu nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau. Mặc dù, gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng giữa hai vợ chồng bà không thể hàn gắn để

tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ.

Về con chung: Bà trình bày giữa bà và ông Đ có hai con chung Trần Khoa B, sinh ngày 24/01/2004 và Trần Khoa H, sinh ngày 03/02/2009; con Trần Khoa B đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung đối với B; bà yêu cầu được nuôi con Trần Khoa H và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V trình bày không có.

Bị đơn ông Trần Khoa Đ: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đại nhưng ông Đại không đến Tòa, không trình bày ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn thực hiện không đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX cho bà V được ly hôn ông Đ; về con chung: con Trần Khoa B đã thành niên, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con Trần Khoa H, sinh ngày 03/02/2009 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; bà V không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung: Không có. Bà V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Huỳnh Thị Như V khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Khoa Đ; cư trú tại: Tổ dân phố 2, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là ông Trần Khoa Đ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù, ông Đ biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn mà ông là bị đơn nhưng ông vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Ông Đ phải chịu hậu quả của việc không

chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là Bà Huỳnh Thị Như V có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Khoa Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Như V và ông Trần Khoa Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ (nay là phường Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2003. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông Đ là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng: Bà V cho rằng, cuộc sống hôn nhân của bà và ông Đ không có hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn; thường xuyên cãi vã to tiếng, giữa vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Bà V yêu cầu ly hôn nhưng ông Đ không đến Tòa và không có ý kiến gì, có ý bỏ mặc. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của bà V và ông Đ đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà V là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà V trình bày giữa bà và ông Đ có hai con chung Trần Khoa B, sinh ngày 24/01/2004 và Trần Khoa H, sinh ngày 03/02/2009; con Trần Khoa B đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung đối với B. Riêng con Trần Khoa H, sinh ngày 03/02/2009, bà V yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng cho con. HĐXX xét thấy, con Trần Khoa H đang ở cùng mẹ là bà Huỳnh Thị Như V; trong khi đó, ông Đ không có ý kiến về phần con chung. Do đó, yêu cầu được nuôi con của bà V có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng cho con: Bà V không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Bà V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà đã nộp tạm ứng án phí nên được khấu trừ xong.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Như V

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Như V được ly hôn ông Trần Khoa Đ.

2. Về con chung: Giao con Trần Khoa H, sinh ngày 03/02/2009 cho Huỳnh Thị Như V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng con Trần Khoa B, sinh ngày 24/01/2004 đã thành niên, bà V không yêu cầu giải quyết về phần nuôi con chung đối với B nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng cho con: Bà V không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Như V phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000998 ngày 10/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Quảng Ngãi) nên được khấu trừ xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV6 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 6 – Quảng Ngãi;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phổ Nhơn
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

**Các thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

